

Ngày 30/06/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.0%	0.8%	1.7%

	Q2/25	
ROE	1.7%	+/- YoY ▲ 0.6%

	Q2/25		
DT thuần	547	QoQ ▲ 57.0 ▲ 11.7%	YoY ▲ 239 ▲ 77.7%
		tỷ VNĐ	

	6T 2025	
DT thuần	1,037	YoY ▲ 436 ▲ 72.7%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN gộp	89.5	QoQ ▼ 0.80 ▼ 0.9%	YoY ▲ 29.8 ▲ 49.9%
		tỷ VNĐ	

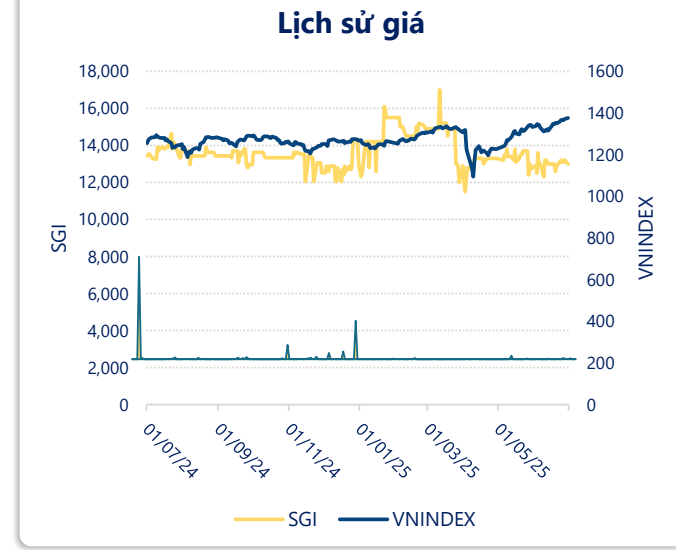
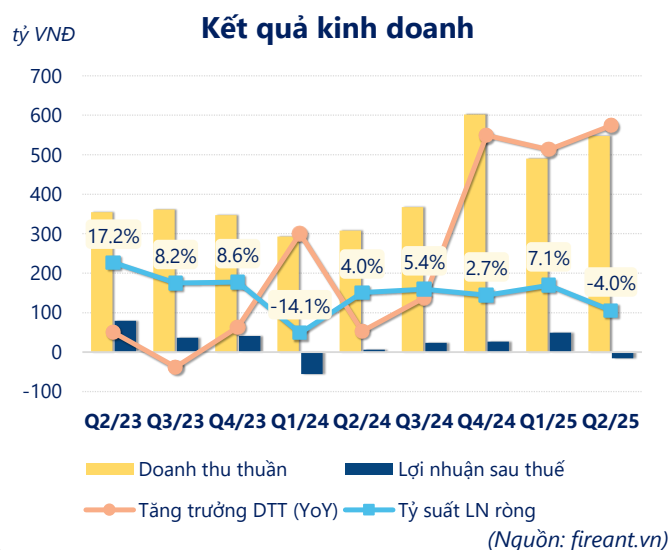
	6T 2025	
LN gộp	180	YoY ▲ 71.0 ▲ 65.3%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN thuần	-11.8	QoQ ▼ 76.6 ▼ 118%	YoY ▼ 22.1 ▼ 215%
		tỷ VNĐ	

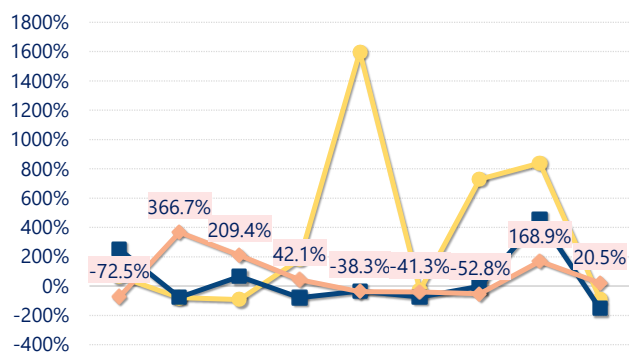
	6T 2025	
LN thuần	53.0	YoY ▲ 112 ▲ 190%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN sau thuế	-15.7	QoQ ▼ 64.6 ▼ 132%	YoY ▼ 21.8 ▼ 358%
		tỷ VNĐ	

	6T 2025	
LN sau thuế	33.1	YoY ▲ 82.8 ▲ 167%
		tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

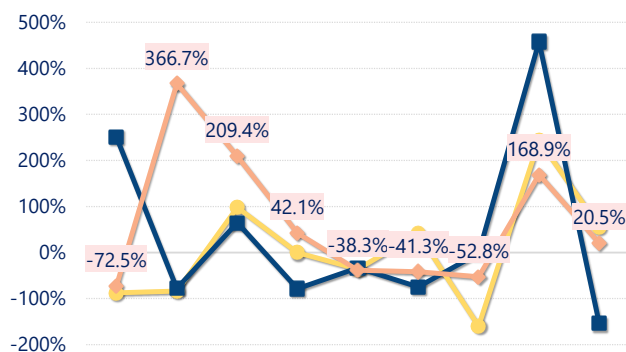


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

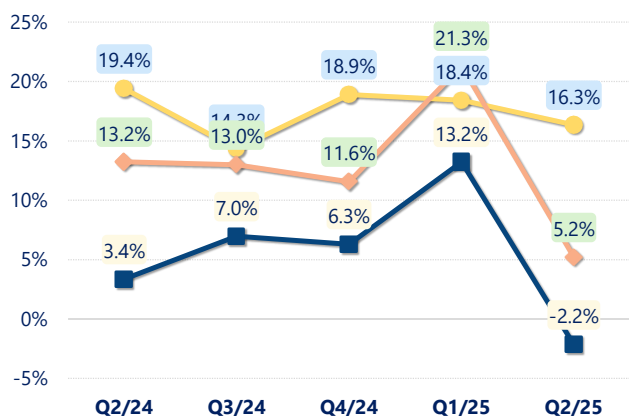


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

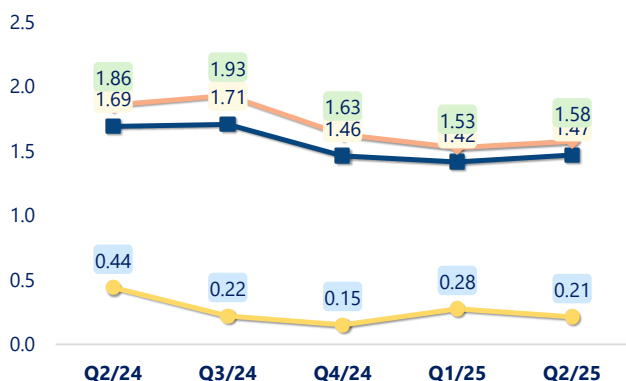


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

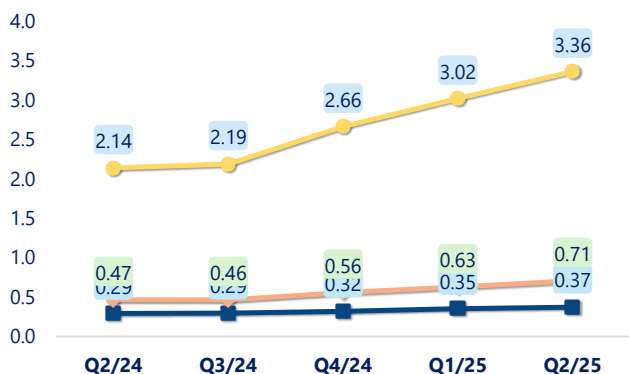


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

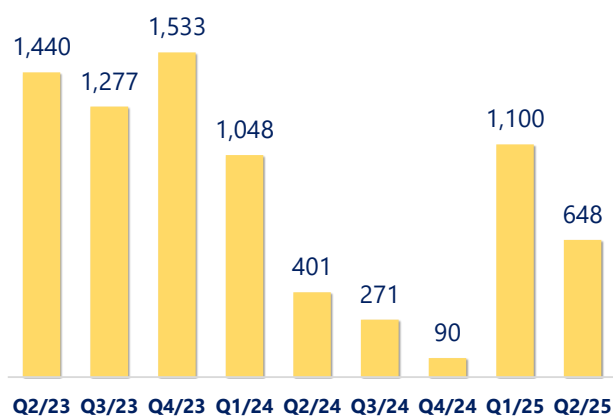


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	547	308	77.7%	1,037	601	72.7%
Giá vốn hàng bán	458	248	84.6%	858	492	74.4%
Lợi nhuận gộp	89.5	59.7	49.9%	180	109	65.3%
Doanh thu HĐTC	76.9	76.5	0.5%	197	162	22.0%
Chi phí TC	75.3	55.9	34.6%	136	192	-29.2%
Chi phí lãi vay	39.2	24.9	57.5%	73.7	51.2	43.9%
LN trong công ty LKLD	0.81	0.52	55.6%	2.51	1.02	147%
Chi phí bán hàng	39.9	20.9	90.7%	69.8	42.6	63.7%
Chi phí QLDN	63.9	49.6	28.7%	120	95.1	26.7%
LN thuần từ HĐKD	-11.8	10.3	-215%	53.0	-58.9	190%
Lợi nhuận khác	1.11	5.53	-79.8%	6.32	5.80	9.1%
LN trước thuế	-10.7	15.8	-168%	59.3	-53.1	212%
Lợi nhuận sau thuế	-15.7	6.10	-358%	33.1	-49.7	167%
LNST của CĐ cty mẹ	-21.9	12.2	-279%	13.1	-29.1	145%

(Nguồn: fireant.vn)

